

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 371/2019/DS-ST

Ngày 29-11-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P-TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thắng
2. Ông Lê Văn Tài.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 299/2019/TLST – DS ngày 08 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2827/2019/QĐST – DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị H có mặt.

* **Bị đơn:** Ông Trần Văn B, sinh năm 1957

Địa chỉ: ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Lê Duy P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp AH, xã AH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của anh P: chị Lê Thị H, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp AH, xã AN, huyện P, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Đoàn Thị R, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông B và bà R: bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp AĐ, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre.

- Anh Trần Văn L, sinh năm: ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh L có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Lê Thị H đồng thời được sự ủy quyền của anh Lê Duy P trình bày:

Vào ngày 17/01/2017 chị có cho ông Trần Văn B vay số tiền là 50.000.000 đồng; lãi suất là 6%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng; mục đích ông B vay để nuôi tôm. Khi vay ông B có cầm cố cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P do ông B đứng tên cùng với giấy chứng minh nhân dân của ông B và sổ hộ khẩu của gia đình ông B. Do tin tưởng ông B nên chị chấp nhận cho ông B vay tiền và có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B còn giấy chứng minh và sổ hộ khẩu của ông B tôi không có giữ. Lúc đó chồng tôi là anh Lê Duy P viết biên nhận, ông B có ký tên và viết họ tên tại biên nhận ngày 17/01/2017.

Từ khi vay đến nay ông B không có trả lãi và vốn cho chị, chị có nhiều lần nhắc nhở nhưng ông B vẫn không trả tiền cho chị. Chị không cho anh L vay tiền như lời trình bày của ông B, việc ông B cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị là do ông B tự nguyện, chị không có ép buộc hay đe dọa ông B. Trong vụ án này chị không yêu cầu bà R, anh L phải liên đới với ông B để trả số tiền nêu trên cho chị.

Chị khẳng định, chị cho ông B vay tiền vào ngày 17/01/2017 chứ không phải ngày 17/01/2018, biên nhận do chị chồng là anh Lê Duy P viết, ông B ký tên có sự chứng kiến của anh L, biên nhận chỉ lập một bản, chị đã cung cấp cho Tòa án, vợ chồng chị không sửa chữa năm “2018” thành “2017”.

Số tiền 50.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng chị nên chị yêu cầu ông B phải trả cho chị và anh P số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,75%/tháng tính từ ngày 17/01/2018 âm lịch nhằm ngày 04/3/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng 15 ngày tính thành tiền là 7.687.500 đồng. Khi nào ông B trả tiền xong cho chị và anh P thì chị và anh P sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn B và bà Đoàn Thị R trình bày:

Trước đây anh Trần Văn L là con của ông B và bà R có vay của chị H 50.000.000 đồng, khi vay anh L có lén lút lấy 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P do ông B đứng tên để cầm cố cho chị H mà không có sự đồng ý của ông B và bà R. Do anh L vay tiền để cờ bạc nên anh L không có khả năng trả tiền cho chị H nên chị H buộc ông B phải chịu trách nhiệm, do thương con nên ông B đã đứng ra nhận nợ với chị H và có ký tên vào biên nhận nợ ngày 17/01/2018 âm lịch mà chị H đã cung cấp cho Tòa án nhưng ông B không thừa nhận toàn bộ nội dung biên nhận, còn chữ ký “B” là do ông B tự nguyện ký. Theo ông B, thì từ trước đến nay ông B chỉ ký 01 giấy nhận nợ cho chị H có nội dung “nhận nợ thay cho anh L và cam kết trả nợ thay cho anh L”, không có nội dung thế chấp hay cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như biên nhận mà chị H cung cấp cho Tòa án.

Theo ông B và bà R, khi vay anh L có trả lãi cho chị H 03 lần với số tiền là 9.000.000 đồng, khi trả lãi các bên không có lập biên bản nên ông B và bà R không thể cung cấp cho Tòa án được. Do đó, ông B và bà R tự nguyện rút đơn yêu cầu phản tố này.

Ông B và bà R khẳng định không trực tiếp vay tiền của chị H, không sử dụng số tiền 50.000.000 đồng, số tiền 50.000.000 đồng anh L vay để sử dụng cho cá nhân anh L. Việc anh L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H không được sự đồng ý của ông B, bà R và việc thế chấp không thực hiện theo trình tự, thủ tục nên việc thế chấp đó là không phù hợp với quy định của pháp luật. Mặc dù, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có một mình ông B đứng tên nhưng diện tích 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P là tài sản chung của bà R và ông B.

Nếu chị H không yêu cầu bà R và anh L phải liên đới với ông B để trả 50.000.000 đồng vốn vay cho chị H thì bà R và anh L đồng ý, không có ý kiến gì. Bà R và ông B yêu cầu chị H phải giao trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông B và bà R ngay, nếu chị H không đồng ý trả thì ông B và bà R đề nghị giải quyết theo quy định.

Ông B thừa nhận có nợ chị H và anh P số tiền là 50.000.000 đồng nhưng thực tế ông B không sử dụng số tiền này nhưng ông B vẫn đồng ý trả cho chị H và anh P số tiền 50.000.000 đồng. Hiện nay ông B không còn khả năng lao động nên ông B yêu cầu được trả dần theo thời hạn và cách thức như sau: 03

tháng trả một lần với số tiền là 4.000.000 đồng cho đến khi nào hết số tiền là 50.000.000 đồng. Còn nợ lãi ông B đồng ý trả theo yêu cầu của chị H.

Theo bản tự khai ngày 04/11/2019 anh Trần Văn L trình bày:

Vào ngày 01/4/2018 tôi và bà H có lập một hợp đồng miệng, chị H cho tôi vay 50.000.000 đồng, lãi 6%/tháng, ngày đóng lãi là ngày 01. Tôi đóng được 03 tháng là 9.000.000 đồng đến ngày 01 tháng 7 năm 2018 tôi không còn khả năng đóng lãi, chị H buộc tôi phải lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đem đến thế chấp cho chị. Tôi trộm quyền sử dụng đất đem đến, chị thấy chủ quyền thửa đất đứng tên Trần Văn B (cha tôi) nên chị H buộc tôi phải chở cha tôi đến để làm giấy ghi nợ, nếu cha tôi không đến chị sẽ cho xã hội đen xử tôi. Chính vì sự đe dọa đó tôi về năn nỉ cha tôi, cha tôi đang bệnh nhưng vì thương tôi nên cha tôi đồng ý đi với tôi đến nhà chị H. Khi đến nhà, chồng chị H có ghi sẵn một tờ giấy nội dung “Tôi Trần Văn B hứa trả nợ thay cho anh Trần Văn L) rồi ký 01 chữ “B” ngoài ra không ghi gì hết. Trên đường về cha tôi có hỏi “sao cô H cho mày vay tới 50.000.000 đồng vậy” tôi mới cho cha tôi biết là tôi trộm QSDĐ đi thế chấp, tôi và cha tôi thống nhất là dấu mẹ tôi và kiếm tiền để trả cho chị H lấy QSDĐ về trả cho mẹ. Nay tôi làm tự khai này gửi đến Tòa án nhân dân huyện P tôi rất hối hận về việc làm của tôi, số tiền vay của chị H cá nhân tôi tiêu sài, ba mẹ tôi không biết, nay cha tôi già rồi lại còn bị bệnh nữa mà đứng ra thay tôi trả nợ tôi thấy rất có lỗi nhưng bản thân tôi không có khả năng trả nợ cho chị H, tôi xin Tòa án giúp xin chị H cho cha tôi trả dần và xin không đóng lãi vì tôi có đóng cho chị 9.000.000 đồng, trả QSDĐ lại cho mẹ tôi. Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật và cam kết sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình. Hiện nay do tôi đi làm ăn xa nên tôi không thể tiếp tục tham gia vụ án được. Vì vậy, tôi làm đơn này đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào cá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc ông B có nghĩa vụ trả cho chị H và anh P nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi là 7.687.500 đồng. Buộc chị H và

anh P có nghĩa vụ giao trả cho ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P. Việc giao trả tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên được thực hiện trong cùng một thời gian.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Trần Văn B hiện đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 94/2 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: anh Trần Văn L có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh L.

[4] Về nội dung vụ án:

- Theo chị H: Vào ngày 17/01/2017 chị có cho ông Trần Văn B vay số tiền là 50.000.000 đồng; lãi suất là 6%/tháng; thời hạn vay là 03 tháng; mục đích ông B vay để nuôi tôm. Khi vay ông B có cầm cố cho chị 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P do ông B đứng tên. Từ khi vay đến nay ông B không trả vốn và lãi cho chị nên chị khởi kiện. Chị khẳng định ngày chị cho ông B vay là ngày 17/01/2017 âm lịch chứ không ngày 17/01/2018. Chị yêu cầu ông B giao trả cho chị và anh P số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh là 0,75%/tháng tính từ ngày 17/01/2018 âm lịch nhằm ngày 04/3/2018 dương lịch đến ngày xét xử sơ thẩm là 20 tháng 15 ngày tính thành tiền là 7.687.500 đồng. Trong vụ án này chị không yêu cầu bà R phải liên đới với ông B trả nợ cho tiền. Do chị không cho anh L vay tiền nên chị không có yêu cầu gì đối với anh L. Khi nào ông B trả hết số tiền nêu trên cho chị và anh P thì chị và anh P sẽ giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B.

- Theo ông B, bà R và anh L: ông B không có vay 50.000.000 đồng của chị H, số này này anh L trực tiếp vay của chị H, do anh L không trả cho chị H nên chị H buộc ông B phải ký giấy nhận nợ và trả nợ thay cho anh L. Do thương anh L nên ông B đã ký vào biên nhận ngày 17/01/2018 âm lịch. Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất là do anh L lén lút lấy để thế chấp cho chị H khi vay tiền, ông B không thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị H. Ông B đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng cho chị H và anh P, ông cam kết 03 tháng trả một lần là 4.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 50.000.000 đồng, còn nợ lãi ông B đồng ý trả theo yêu cầu của chị H. Trong vụ án, nếu chị H không yêu cầu anh L và bà R phải liên đới với ông B trả nợ cho chị H và anh P thì bà R cũng đồng ý. Ông B, bà R và anh L yêu cầu chị H phải giao trả ngay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà R.

[5] Xét lời trình bày của ông B, bà R và anh L: trong quá trình giải quyết vụ án ông B, bà R và anh L cho rằng số tiền hiện nay ông B nợ chị H là do anh L vay, không liên quan đến ông B, bà R và việc ông B ký tên vào giấy nhận nợ ngày 17/01/2018 âm lịch là do ông B bị chị H đe dọa. Từ trước đến nay ông B chỉ ký 01 giấy nhận nợ cho chị H có nội dung “*nhận nợ thay cho anh L và cam kết trả nợ thay cho anh L*”, không có nội dung thế chấp hay cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông B, bà R và anh L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và chị H cũng không thừa nhận lời trình bày này của ông B, bà R và anh L. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản lấy lời khai ngày 03/9/2019 ông B khai “...*biên nhận ngày 17/01/2018 do tôi tự nguyện viết và ký tên, không ai ép buộc..*” và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông B cũng thừa nhận chữ ký “B” tại biên nhận ngày 17/01/2018 là do ông B ký. Do đó, lời trình bày nêu trên của ông B, bà R và anh L là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa các bên đương sự thống nhận hiện nay ông B còn nợ chị H số tiền là 50.000.000 đồng. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có căn cứ xác định hợp đồng vay tài sản giữa ông B với chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do vậy làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện ông B đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó, việc chị H và anh P yêu cầu ông B phải có nghĩa vụ trả cho anh P và chị H nợ gốc là 50.000.000 đồng và nợ lãi là 7.687.500 đồng phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu trả nợ dần của ông B, xét thấy: ông B vi phạm nghĩa vụ trong một thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của chị H và anh P. Hiện ông B không chứng minh được kinh tế gia đình ông đang gặp khó khăn và tại phiên tòa thì chị H không đồng ý với yêu cầu trả nợ dần của ông B nên yêu cầu trả nợ dần của ông B không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét yêu cầu của ông B, bà R và anh L về việc yêu cầu chị H và anh P phải giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P do ông B đứng tên. Xét thấy: tại Biên

bản lấy lời khai ngày 03/9/2019 ông B khai “... Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà anh L thế chấp cho chị H, hiện nay chị H đang giữ, khi nào tôi trả hết nợ cho chị H thì tôi đề nghị chị H phải giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi, trong vụ án này tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc tôi và anh L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của chị H. Việc này là do tôi tự nguyện...”. Do đó, việc thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là do các bên tự nguyện nhưng việc thế chấp này các bên không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Lễ đó, buộc chị H và anh P có nghĩa vụ giao trả lại cho ông B là phù hợp.

[10] Do chị H và anh P không yêu cầu bà R liên đới với ông B để trả cho chị H và anh P số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Do ông B không yêu cầu bà R và anh L phải liên đới với ông để trả cho chị H và anh P số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Ông Trần Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[14] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị H và anh P. Buộc ông B phải có nghĩa vụ trả cho chị H và anh P số tiền là 57.687.500 đồng, trong đó: nợ gốc 50.000.000 đồng, nợ lãi là 7.687.500 đồng.

2. Buộc chị H và anh P phải có nghĩa vụ trả cho ông B giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 4.385,1m² thuộc thửa 21 tờ bản đồ số 36 tọa lạc ấp AT, xã AQ, huyện P do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông B vào ngày 04/4/2016, số vào sổ GCN:CS06947.

Việc giao trả tiền và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên giữa chị H, anh P với ông B được thực hiện trong cùng một thời gian.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Do chị H và anh P không yêu cầu bà R liên đới với ông B để trả cho chị H và anh P số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do ông B không yêu cầu bà R và anh L phải liên đới với ông để trả cho chị H và anh P số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn B là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chị Lê Thị H được Chi Cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.595.000 đồng theo biên lai thu số 0006059 ngày 08 tháng 8 năm 2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- L hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Sơn– Huỳnh Ngọc Sơn

Trần Thị Vân

